

A 这是你的护照吗?

Zhè shì nǐ de hùzhào ma ?
Is this your passport?

B 不是, 是他的。

Bú shì, shì tā de
No it isn't, it's his.

A 你的护照在哪里?

Nǐ de hùzhào zài nǎlǐ?
Where is your passport?*

B 在家。

Zài jiā.
At home.

家 jiā home

的护 hùzhào passport

这 zhè this